CTCP ĐT Thế giới di động (MWG)

Dịch vụ tiêu dùng

KHẢ QUAN (Duy trì)

+72.6%

Giá hiện tại	VND71.700
Cao/Thấp nhất 52 tuần	VND92.266/62.332
Giá mục tiêu	VND125.700
Giá mục tiêu trước đó	VND115.100
vs Consensus	16,4%
Tiềm năng tăng giá	72,6%
Tỷ suất cổ tức	1,4%
Tổng tỷ suất sinh lời	74,0%

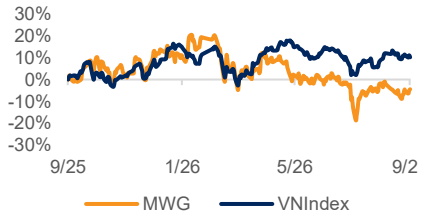
Triển vọng	Khả quan
Định giá	Khả quan
Phân tích kỹ thuật	Trung lập

Thị giá vốn (tr USD)	4.152,3
GTGDBQ 3 tháng (tr USD)	10,7
Sở hữu NN (tr USD)	0,0
Số CP lưu hành (tr)	1.475,7
Số CP sau pha loãng (tr)	1.475,7

	MWG	VNI
P/E trượt	10,8x	12,4x
P/B hiện tại	3,2x	2,0x
ROA	11,4%	2,6%
ROE	29,5%	16,5%

**dữ liệu ngày 24/09/2026*

Diễn biến giá



Giá cổ phiếu (%)	1T	3T	12T
MWG	-2,4%	-2,2%	-4,6%
Tương quan VNIndex	-1,9%	-3,6%	10,2%

Cơ cấu sở hữu

Công ty TNHH MTV Tư vấn Đầu tư Thế giới Bán lẻ	10,4%
Arisaig Asia Consumer Fund Limited	7,0%
Công ty TNHH Tri Tâm	5,0%
Khác	77,6%

Tổng quan doanh nghiệp

MWG là công ty quản lý chuỗi bán lẻ điện thoại và điện máy lớn nhất Việt Nam (chuỗi TGDĐ và ĐMX), với hơn 3.000 cửa hàng trên toàn quốc và chiếm hơn 50% thị phần. Ngoài ra, MWG còn vận hành chuỗi tạp hóa BHX, với khoảng 3.000 cửa hàng trên khắp miền Trung và miền Nam Việt Nam.

Chuyên viên phân tích:



Phạm Thị Bích Ngọc

ngoc.phambich@vndirect.com.vn

Dự kiến vượt kế hoạch 2026 với lợi nhuận tăng mạnh

- Chúng tôi duy trì khuyến nghị KHẢ QUAN và nâng giá mục tiêu thêm 9% lên 125.700 đồng/cp, tương ứng dư địa tăng 72,6% so với thị giá hiện tại là 71.700 đồng/cp.
- Giá mục tiêu tăng phản ánh quan điểm tích cực của chúng tôi về 4 động lực chính: (1) nhu cầu ICT/CE duy trì tích cực nhờ mùa tựu trường; (2) dòng sản phẩm iPhone 18, hỗ trợ nhu cầu nâng cấp thiết bị trong nửa cuối 2026; (3) BHX mở rộng hiệu quả, đặc biệt tại miền Bắc, thúc đẩy tăng trưởng doanh thu bền vững; và (4) định giá hấp dẫn của MWG.

Tiêu điểm tài chính

- LNST Q2/26 tăng mạnh 102% svck lên mức kỷ lục mới 3,4 nghìn tỷ đồng, nhờ tiêu thụ tích cực các sản phẩm laptop, iPhone, TV và điều hòa.
- LNST 6T26 tăng mạnh 91% svck lên 6,1 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 61% dự phóng của chúng tôi và 66% kế hoạch lợi nhuận cả năm.
- Chúng tôi dự phóng LNST Q3/26 đạt 2,6 nghìn tỷ đồng, tăng 46% svck, và LNST 2026 đạt 11,4 nghìn tỷ đồng, tăng 61% svck, vượt 24% kế hoạch đầu năm.

Luận điểm đầu tư

Giá laptop duy trì ở mức cao nhờ mùa tựu trường và chi tiêu cuối năm

Nhu cầu mùa tựu trường thúc đẩy doanh số laptop và iPad trong Q3/26, trong khi thiếu hụt bộ nhớ do AI khiến giá thiết bị duy trì cao. Chúng tôi kỳ vọng xu hướng này kéo dài đến khi công suất mới của Samsung và SK Hynix cải thiện nguồn cung từ cuối 2027. Doanh thu TGDĐ dự phóng tăng 29,2%/23,6%/23,4% svck trong Q3-26/2026/2027 và ĐMX tăng 22%/27% trong Q3-26/2026. Tuy nhiên, giá vốn hàng bán tăng có thể khiến biên lợi nhuận gộp ĐMX giảm từ 21,1% trong Q2/26 xuống 19,5% trong nửa cuối 2026 và 18,0% trong 2027.

Nhu cầu iPhone 18 Pro hỗ trợ tăng trưởng doanh thu trong nửa cuối 2026

Dòng iPhone 18 ra mắt ngày 9/9 ghi nhận 182.600 đơn đặt trước tại MWG, trong đó Pro Max chiếm gần 70%, đưa giá trung bình lên khoảng 42 triệu đồng, tương ứng khoảng 7,7 nghìn tỷ đồng doanh thu ghi nhận trong nửa cuối 2026. Chúng tôi dự phóng doanh thu/cửa hàng tăng 20% svck cho TGDĐ và ĐMX trong nửa cuối 2026.

BHX mở rộng ra miền Bắc với dư địa tăng trưởng dài hơn

BHX tiếp tục mở rộng mạnh với hơn 1.000 cửa hàng mở mới trong 8T26, nâng tổng số lên 3.612, trong khi doanh thu đạt 40,1 nghìn tỷ đồng (+32% svck). Miền Bắc là động lực tăng trưởng dài hạn khi 67% người tiêu dùng vẫn mua sắm tại chợ truyền thống, dù cạnh tranh với WCM đang gia tăng. Đáng chú ý, toàn bộ cửa hàng mở mới trong 8T26 đã đạt lợi nhuận dương ở cấp độ cửa hàng, cho thấy mô hình vận hành có khả năng mở rộng. Chúng tôi dự phóng doanh thu 2026 đạt 62 nghìn tỷ đồng (+32% svck) và lợi nhuận sau thuế tăng 160% lên 1,9 nghìn tỷ đồng.

MWG đang giao dịch thấp hơn đáng kể so với mức P/E lịch sử bình quân 20,2x

MWG đang giao dịch ở 10,8x P/E trượt, thấp hơn mức bình quân 2 năm 20,2x và bình quân ngành 14,8x. Mức này sấp xỉ trung vị 10,4x của nhóm bán lẻ ICT và thấp hơn 19,4x của nhóm bán lẻ hàng tạp hóa. Với các động lực trên, gồm giá thiết bị tăng do thiếu hụt bộ nhớ, nhu cầu iPhone 18 và mở rộng BHX ra miền Bắc, chúng tôi cho rằng MWG có thể được định giá lại lên 16,4x P/E trong 12 tháng tới.

	2025	2026F	2027F	2028F	2029F
Tăng trưởng DT thuần	16,5%	30,5%	13,7%	4,6%	6,2%
Tăng trưởng EPS	89,1%	59,8%	19,4%	12,9%	9,3%
Biên lợi nhuận gộp	19,4%	20,4%	19,9%	20,6%	20,6%
Biên LN ròng	4,5%	5,6%	5,9%	6,5%	6,7%
P/E (x)	18,5	16,4	15,0	13,3	12,1
Rolling P/B (x)	4,0	4,7	4,2	3,5	2,9
ROAE	21,7%	28,7%	28,2%	26,2%	24,2%
Nợ ròng trên VCSH	(27,4%)	(10,3%)	(19,1%)	(14,9%)	(18,3%)

Nguồn: VNDIRECT

Tóm tắt KQKD: Lợi nhuận tăng vọt nhờ nhu cầu cao và chương trình trả chậm

Hình 2: Cập nhật KQKD Q2/26

Tỷ đồng	Q2/25	Q2/26	% svck	6M25	6M26	% svck	% dự phóng
Doanh thu	**37.620**	**48.751**	**29,6%**	**73.755**	**95.213**	**29,1%**	**48,3%**
TGDĐ	8.271	10.561	27,7%	16.572	21.444	29,4%	46,9%
ĐMX	16.898	22.116	30,9%	32.850	43.650	32,9%	49,5%
BHX	11.604	15.190	30,9%	22.612	28.306	25,2%	47,6%
Khác	846	884	4,4%	1.720	1.814	5,5%	49,9%
Lợi nhuận gộp	**7.569**	**10.809**	**42,8%**	**14.769**	**20.519**	**38,9%**	**56,5%**
CP bán hàng & QLDN	-5.905	-7.298	23,6%	-11.523	-14.106	22,4%	50,8%
Chi phí tài chính ròng	366	504	37,6%	721	940	30,5%	41,3%
LNTT	**2.028**	**4.033**	**98,8%**	**3.963**	**7.361**	**85,7%**	**67,8%**
LNST của cổ đông CT mẹ	**1.658**	**3.355**	**102,4%**	**3.205**	**6.112**	**90,7%**	**68,7%**
Biên LNG	**20,1%**	**22,2%**	**2,1đ%**	**20,0%**	**21,6%**	**1,5đ%**	
Biên LNR	**4,4%**	**6,9%**	**2,5đ%**	**4,3%**	**6,4%**	**2,1đ%**	

Nguồn: VNDIRECT, Báo cáo công ty

Doanh thu tiếp tục tăng trưởng mạnh

Doanh thu Q2/26 tăng 30% svck, chủ yếu nhờ tăng trưởng ổn định tại các phân khúc chính: TGDĐ (+28% svck) nhờ doanh số Apple tăng 50% svck, ĐMX (+31% svck) nhờ doanh số điều hòa và TV tích cực trong mùa El Niño và World Cup, và BHX (+31% svck) nhờ mở thêm 352 cửa hàng trong Q2/2026. Bên cạnh đó, doanh thu Era Blue Q2/2026 tăng mạnh 72% lên 1,4 nghìn tỷ đồng.

Biên lợi nhuận cải thiện nhờ tăng giá bán

Biên lợi nhuận tăng 2,1 điểm % svck lên 22,2%, nhờ giá bán sản phẩm tăng cao và xu hướng người tiêu dùng chuyển sang các sản phẩm tích hợp AI có giá trị cao.

Doanh thu/cửa hàng ICT/CE tăng

Doanh thu bình quân/cửa hàng của TGDĐ/ĐMX tăng lên lần lượt 3,5/3,7 tỷ đồng (+29%/+32% svck), nhờ nhu cầu thay thế thiết bị gia tăng, cùng với các chính sách thu cũ đổi mới, trả góp và thanh toán trả chậm hiệu quả của MWG. Trong khi đó, doanh thu bình quân/cửa hàng BHX giảm 10% svck xuống 1,6 tỷ đồng, còn Era Blue giảm 23% svck xuống 1,8 tỷ đồng do tiếp tục mở rộng mạng lưới.

LNST tăng mạnh nhờ tăng trưởng doanh thu và tối ưu chi phí

Tỷ lệ chi phí BH&QLDN duy trì ổn định ở mức 15% trong Q2/2026. Kết hợp với tăng trưởng doanh thu, thu nhập tài chính tăng 24% svck và biên lợi nhuận cải thiện, LNST tăng gấp đôi svck lên 3,4 nghìn tỷ đồng trong Q2/26.

Triển vọng 2026-27: Dự kiến vượt kế hoạch 2026 với lợi nhuận tăng mạnh

Hình 3: Thay đổi dự phóng 2026-27

(Tỷ đồng)		Dự phóng cũ		Dự phóng mới		% svck		Thay đổi dự phóng		Giải thích
	2025	2026	2027	2026	2027	2026	2027	2026	2027	
Doanh thu	**156.458**	**196.926**	**224.246**	**204.233**	**232.276**	**30,5%**	**13,7%**	**3,7%**	**3,6%**	
TGDĐ	37.393	45.711	52.580	48.282	51.401	29,1%	6,5%	5,6%	-2,2%	Giá sản phẩm ICT duy trì ở mức cao trong mùa tựu trường, cùng sức hút từ iPhone Duo
ĐMX	68.529	88.161	92.887	90.647	95.311	32,3%	5,1%	2,8%	2,6%	
BHX	*46.937*	*59.419*	*73.121*	*62.089*	*81.523*	32,3%	31,3%	4,5%	11,5%	Nhờ tiến độ mở rộng hiệu quả của BHX ở phía Bắc
An Khang	2117	3635	5659	3.215	4.042	51,9%	25,7%	-11,6%	-28,6%	Tốc độ mở rộng chậm hơn kỳ vọng do hoạt động thanh tra, kiểm tra chặt chẽ trong ngành nhà thuốc
Lợi nhuận gộp	**30.294**	**36.333**	**40.184**	**41.579**	**46.276**	**37,3%**	**11,3%**	**14,4%**	**15,2%**	
Lợi nhuận tài chính	1.565	2.276	2.663	1.814	2.126	15,9%	17,2%	-20,3%	-20,2%	Lãi suất dự kiến duy trì ở mức cao trong giai đoạn 2026–27
Chi phí BH&QLDN	(23.215)	(27.760)	(30.912)	(29.516)	(31.654)	27,1%	7,2%	6,3%	2,4%	
Chi phí BH&QLDN/DT	14,8%	14,1%	13,8%	14,5%	13,6%	-0,4 đ%	-0,8 đ%	2,5 đ%	-1,2 đ%	
Lợi nhuận hoạt động	**7.078**	**8.574**	**9.272**	**12.063**	**14.621**	**70,4%**	**21,2%**	**40,7%**	**57,7%**	
Lợi nhuận trước thuế	8.636	10.862	11.974	13.888	16.785	60,8%	20,9%	27,9%	40,2%	
Lợi nhuận ròng	**7.076**	**8.899**	**9.810**	**11.378**	**13.751**	**60,8%**	**20,9%**	**27,9%**	**40,2%**	
Biên lợi nhuận gộp	**19,4%**	**18,5%**	**17,9%**	**20,4%**	**19,9%**	**1,0 đ%**	**-0,4 đ%**	**1,9 đ%**	**2,0 đ%**	**Nhờ giá bán cao, được hỗ trợ bởi các chương trình tín dụng tiêu dùng**
Biên lợi nhuận ròng	***4,5%***	***4,5%***	***4,4%***	***5,6%***	***5,9%***	**1,0 đ%**	**0,3 đ%**	**1,1 đ%**	**0,3 đ%**	
Số lượng cửa hàng	**5.961**	**7.052**	**7.672**	**7.507**	**8.127**	**1546 CH**	**620 CH**	**0 CH**	**455 CH**	
TGDĐ	1.012	1.014	1.014	1.008	1.008	-6 CH	0 CH	-6 CH	-6 CH	
ĐMX	2.008	2.000	2.000	2.003	2.003	3 CH	0 CH	3 CH	3 CH	
BHX	2.559	3.599	4.099	4.061	4.561	462 CH	500 CH	462 CH	462 CH	Điều chỉnh theo tốc độ mở rộng mạng lưới trong 8T26
An Khang	382	439	559	435	555	-4 CH	120 CH	-4 CH	-4 CH	
Doanh thu/cửa hàng										
TGDĐ	3,1	3,8	4,3	4,0	4,2	30,0%	6,7%	4,8%	-1,2%	
ĐMX	2,8	3,7	3,9	3,8	4,0	33,0%	5,3%	1,8%	1,7%	
BHX	1,8	1,6	1,6	1,6	1,6	-13,5%	0,8%	-2,3%	-1,5%	
An Khang	0,5	0,7	0,9	0,7	0,7	24,4%	3,8%	-6,3%	-24,4%	

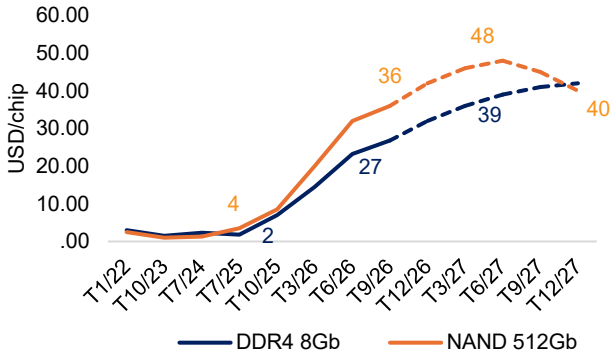
Nguồn: VNDIRECT, Báo cáo công ty

Giá laptop duy trì ở mức cao gặp mùa tựu trường và chi tiêu cuối năm

Thị trường bước vào mùa tựu trường trong tháng 8-9, thúc đẩy doanh số laptop và iPad trong Q3/26. Trong bối cảnh đó, chi phí bộ nhớ vẫn ở mức cao kỷ lục do sự bùng nổ của AI: giá giao ngay DDR4 8Gb đạt 46,0 USD/chip và wafer TLC NAND 512Gb đạt 20,1 USD vào ngày 22/9/2026. TrendForce dự báo giá hợp đồng DRAM và NAND tăng lần lượt 30% và 20% svck trong Q3/26, sau mức tăng khoảng 60% trong Q2/26. Điều này có thể khiến giá PC/laptop toàn cầu tăng 17% và giá smartphone tăng 13% vào cuối 2026. Do đó, chúng tôi dự phóng doanh thu TGDĐ tăng lần lượt 29,2%/23,6%/23,4% svck trong Q3/26/2026/2027, được hỗ trợ tích cực bởi hoạt động tài chính tiêu dùng.

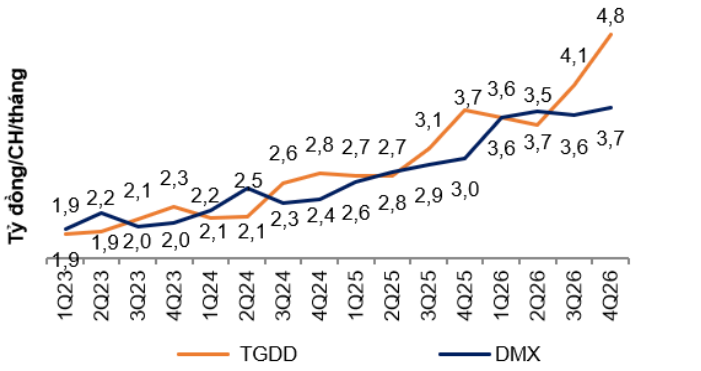
Xu hướng giá cao được kỳ vọng kéo dài đến cuối 2027, khi Samsung hoàn tất nhà máy P5 tại Pyeongtaek trong 1H27 và SK Hynix hoàn tất nhà máy Y1 tại Yongin vào tháng 2/2027. Việc lắp đặt thiết bị sẽ kéo dài đến 2Q27, do đó nguồn cung khó cải thiện đáng kể trước cuối 2027. Chúng tôi dự phóng doanh thu ĐMX tăng 22%/27% svck trong Q3/26/2026, trong khi biên LN gộp có thể giảm từ 21,1% trong Q2/26 xuống 19,5% trong Q3/26 và 4Q26, và 18,0% trong 2027, do giá vốn tăng và nhu cầu thay thế các sản phẩm điện tử hạ nhiệt.

Hình 4: Giá chip nhớ có thể hạ nhiệt vào cuối 2027



Nguồn: Omdia, Trendforce

Hình 5: Doanh thu/cửa hàng của TGDĐ tiếp tục tăng mạnh



Nguồn: VNDIRECT, Báo cáo công ty

Nhu cầu iPhone 18 Pro hỗ trợ tăng trưởng doanh thu trong nửa cuối 2026

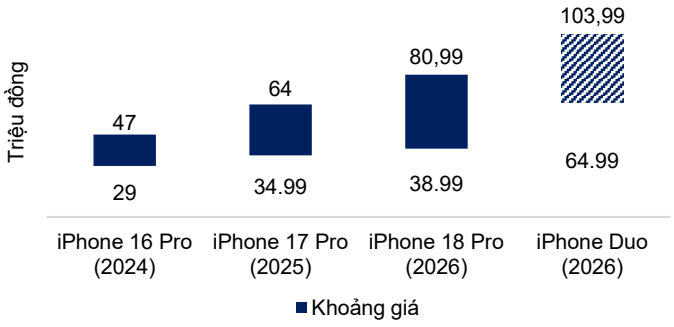
Dòng iPhone 18 chính thức ra mắt ngày 9/9/2026, trong đó MWG ghi nhận 182.600 đơn đặt trước và đã giao gần 20.000 máy Pro/Pro Max ngay trong ngày mở bán 18/9. iPhone 18 Pro Max chiếm gần 70% tổng lượng đặt trước, đưa giá bán bình quân lên khoảng 42 triệu đồng, tương ứng khoảng 7,7 nghìn tỷ đồng doanh thu sẽ được ghi nhận trong nửa cuối 2026. Điều này củng cố dự phóng của chúng tôi về tăng trưởng doanh số cửa hàng hiện hữu 20% svck cho cả TGDĐ và ĐMX trong nửa cuối 2026.

Hình 6: Dòng iPhone 18 ghi nhận nâng cấp chip đáng kể và tăng giá

	iPhone 16 (2024)	iPhone 17 (2025)	iPhone 18 Pro (2026)
Mốc thời gian			
Mở đặt trước tại Việt Nam	20/09/2024	09/12/2025	09/12/2026
Chính thức mở bán tại Việt Nam	27/09/2024	19/09/2025	18/09/2026
Thời điểm ra mắt tại Việt Nam	Sau	Nhóm thị trường ra mắt đầu tiên	Nhóm thị trường ra mắt đầu tiên + 65 thị trường khác (quanh năm)
Các mẫu ra mắt	16 / 16 Plus / 16 Pro / 16 Pro Max	17 / Air / 17 Pro / 17 Pro Max	18 Pro / 18 Pro Max
Giá bán			
Giá khởi điểm - bản tiêu chuẩn	23 triệu đồng	24,99 triệu đồng (256GB)	Không có bản tiêu chuẩn khi ra mắt
Giá khởi điểm - bản Pro	29 triệu đồng	34,99 triệu đồng	38,99 triệu đồng
Giá khởi điểm - bản Pro Max	35 triệu đồng (256GB)	37,99 triệu đồng	41,99 triệu đồng
Giá cao nhất	47 triệu đồng	64 triệu đồng	77,99-80,99 triệu đồng (2TB)
Công nghệ mới			
Chip	A18 / A18 Pro (3nm)	A19 / A19 Pro	A20 Pro
Công nghệ / tính năng mới nổi bật	Nút Camera Control, Apple Intelligence	iPhone Air mỏng 5,6mm thay thế bản Plus	Camera chính Fusion 48MP, ống kính tele nâng cấp, ứng dụng camera chuyên nghiệp

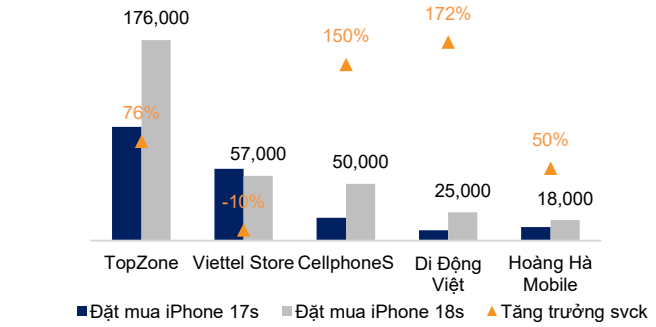
Nguồn: Website công ty

Hình 7: Giá mở bán series iPhone Pro tăng 9-30%/năm



Nguồn: VNDIRECT Research, Website công ty

Hình 8: MWG dẫn đầu lượng đặt mua iPhone 18s trước 19/9



Nguồn: VNDIRECT, Website công ty

BHX mở rộng ra miền Bắc với dư địa tăng trưởng dài hơn

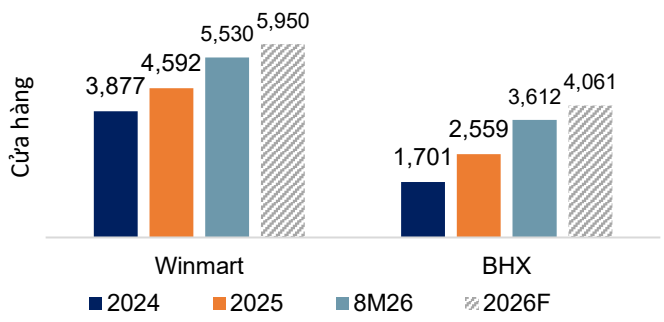
BHX mở thêm 352 cửa hàng trong Q2/26 và hơn 1.000 cửa hàng trong 8T26, gồm 234 cửa hàng trong tháng 8, nâng tổng số cửa hàng lên 3.612. Trong

khoảng 1.000 cửa hàng dự kiến mở mới năm 2026, 300-500 cửa hàng sẽ được triển khai tại miền Bắc, nơi BHX gia nhập từ tháng 10/2025. Với 67% người tiêu dùng vẫn mua sắm tại chợ truyền thống, miền Bắc mang lại dư địa chuyển đổi lớn hơn so với miền Nam đã bão hòa.

WinCommerce (WCM) là đối thủ duy nhất có quy mô tương đương, đồng thời miền Bắc là thị trường cốt lõi. WCM mở ròng 796 cửa hàng trong 8T26, nâng tổng số lên khoảng 5.530, gồm 618 WinMart+ tại nông thôn và 70% cửa hàng mở mới tại miền Bắc. Con số này tương đương 557 cửa hàng mới tại miền Bắc trong 8 tháng, tương đương mức mở mới của BHX tại khu vực này. BHX vẫn đạt doanh thu khoảng 1,6 tỷ đồng/cửa hàng/tháng, gấp đôi mức 0,8 tỷ đồng của WCM, dù hiệu quả chủ yếu tập trung tại miền Nam.

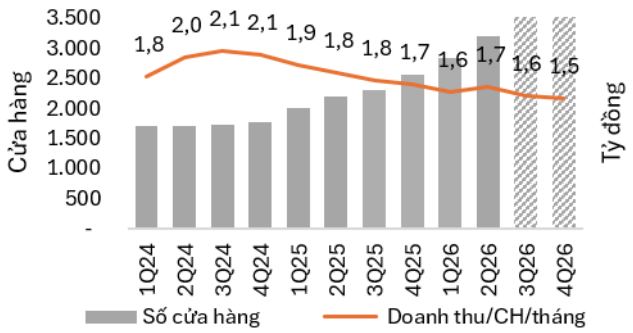
Doanh thu BHX đạt 40,1 nghìn tỷ đồng trong 8T26, tăng 32% svck. Chúng tôi kỳ vọng doanh thu trên cửa hàng của MWG sẽ tiếp tục giảm nhẹ 12%/1% svck trong 2026/27, do các cửa hàng mới có quy mô nhỏ hơn. Chúng tôi dự phóng doanh thu 2026 đạt 62 nghìn tỷ đồng (+32% svck) nhờ tăng số lượng cửa hàng thêm 59% svck, với LNST tăng 33%/31% svck lên 1,9/2,4 nghìn tỷ đồng trong 2026/27.

Hình 9: BHX & WCM đã gần hoàn thành kế hoạch mở rộng 2026



Nguồn: VNDIRECT, Báo cáo công ty

Hình 10: Doanh thu/cửa hàng BHX ổn định trong Q2/26



Nguồn: VNDIRECT, Báo cáo công ty

Toàn bộ cửa hàng BHX mở mới trong 8T26 đã có lợi nhuận dương ở cấp cửa hàng, cho thấy mô hình vận hành được chuẩn hóa và có khả năng mở rộng. Quy mô lớn cũng giúp BHX đàm phán điều khoản tốt hơn với nhà cung cấp toàn quốc, phần nào bù đắp bất lợi với nhà cung cấp địa phương tại miền Bắc. Về dài hạn, tái quy hoạch đô thị, xóa bỏ chợ cóc/chợ tạm, siết quản lý thuế và truy xuất nguồn gốc sẽ tiếp tục hỗ trợ bán lẻ tạp hóa hiện đại. Tuy nhiên, sau giai đoạn mở rộng nhanh, BHX cần tối ưu SKU, chi phí vận hành và năng lực bảo quản lạnh, do người tiêu dùng miền Bắc có xu hướng chi tiêu thận trọng hơn và chú trọng chất lượng hàng tươi sống.

MWG có mức định giá hấp dẫn

MWG đang giao dịch tại 10,8x P/E trượt (EPS 6.778 đồng), chiết khấu 47% so với mức bình quân 20,2x của 2 năm gần nhất và 27% so với 14,8x của nhóm cùng ngành. Đáng chú ý, mức này chỉ ngang trung vị 10,4x của nhóm bán lẻ ICT, trong khi tỷ trọng lợi nhuận của MWG đang dịch dần sang mảng tạp hóa, nhóm giao dịch ở 19,4x. Sau khi ĐMX niêm yết, phần định giá của mảng ICT đã được thị trường phản ánh trực tiếp, nên dư địa tái định giá còn lại của MWG sẽ chủ yếu nằm ở BHX. Chúng tôi kỳ vọng MWG đạt giá mục tiêu 16,4x P/E trong giai đoạn 12 tháng tới.

Về dòng vốn, MWG gần như kín room ngoại suốt nửa đầu 2026, trong khi ĐMX còn room trống tới 40%. ĐMX đã được thêm vào MSCI Large Cap vào tháng 9/2026, và nhiều khả năng được thêm vào VN30 và các rổ ETF trong kỳ review tới khi đủ thời gian 6 tháng niêm yết. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng sự kiện này

sẽ tác động không đáng kể lên mức hấp dẫn đầu tư của MWG, nhờ việc FTSE thực hiện nâng hạng theo bốn chặng từ tháng 9/2026 đến tháng 9/2027.

Định giá

Duy trì khuyến nghị KHẢ QUAN với giá mục tiêu 125.700 đồng

Chúng tôi duy trì khuyến nghị KHẢ QUAN với giá mục tiêu 125.700 đồng/cp. Chúng tôi định giá dựa trên phương pháp định giá từng phần với các chuỗi TGDĐ & ĐMX và BHX. Chúng tôi điều chỉnh tăng giá mục tiêu thêm 9% do:

- Chúng tôi điều chỉnh dự phóng lợi nhuận 2025 và 2026 do kết quả kinh doanh Q2/2026 vượt kỳ vọng.
- Chúng tôi tăng WACC từ 10,8% lên 11,8% do tác động cơ cấu khi phần bù rủi ro thị trường giảm xuống 7,92%, trong khi lãi suất phi rủi ro tăng lên 4,42%.

Hình 11: Giá mục tiêu (đơn vị: đồng)

	Phương pháp	Giá mục tiêu
TGDĐ&ĐMX	DCF	114.021
BHX	DCF	67.324
An Khang	DCF	5.565
Tổng giá trị DN		**186.910**
Số cổ phiếu (triệu)		1.487
Giá cổ phiếu MWG		**125.670**
Implied P/E		16,4

Nguồn: VNDIRECT

Hình 12: Các giả định

Chi phí sử dụng vốn	
Beta	1,1
Phần bù rủi ro thị trường	7,9%
Lãi suất phi rủi ro	4,4%
Chi phí vốn CSH	13,1%
Chi phí sử dụng nợ vay	8,5%
WACC	**11,8%**

Nguồn: VNDIRECT

Hình 131: Chiết khấu dòng tiền – ĐMX (đơn vị: tỷ đồng)

	Giá trị (tỷ đồng)
Giá trị hiện tại của dòng tiền tự do	39.037
Tăng trưởng dài hạn	3,0%
Giá trị hiện tại của năm cuối mô hình	85.819
Giá trị doanh nghiệp	124.856
Giá trị vốn CSH	132.644
SL cổ phiếu (triệu)	1.268
Giá cổ phiếu (VND/cp)	**104.632**

Nguồn: VNDIRECT

Hình 14: Chiết khấu dòng tiền – BHX (đơn vị: tỷ đồng)

	Giá trị (tỷ đồng)
Giá trị hiện tại của dòng tiền tự do	18.728
Tăng trưởng dài hạn	3,0%
Giá trị hiện tại của năm cuối mô hình	54.497
Giá trị doanh nghiệp	73.225
Giá trị vốn CSH	70.875
SL cổ phiếu (triệu)	1.479
Giá cổ phiếu (VND/cp)	**47.918**

Nguồn: VNDIRECT

Hình 15: Dòng tiền tự do TGDĐ&ĐMX

tỷ đồng	**2026**	**2027**	**2028**	**2029**	**2030**	**2031**
EBIT	12.422	11.552	12.952	13.371	14.294	15.132
Thuế	(2.510)	(3.034)	(2.913)	(2.524)	(2.697)	(3.046)
Khấu hao	274	347	421	297	373	380
Chi phí vốn	(352)	(366)	(371)	(397)	(379)	(384)
Thay đổi vốn lưu động	(5.429)	2.083	(429)	(2.493)	1.407	(2.576)
Dòng tiền tự do	4.404	10.582	9.660	8.253	12.998	9.506
Dòng tiền tự do hiện tại	4.166	8.952	7.311	5.587	7.871	5.149

Nguồn: VNDIRECT

Hình 2: Dòng tiền tự do BHX

tỷ đồng	**2026**	**2027**	**2028**	**2029**	**2030**	**2031**
	2.213	5.012	5.529	6.556	7.573	7.822
Thuế	0	0	(276)	(1.311)	(1.515)	(1.564)
Khấu hao	820	928	964	703	722	190
Chi phí vốn	(3.158)	(1.051)	(735)	(671)	(696)	(642)
Thay đổi vốn lưu động	(8)	590	(2.585)	2.873	(2.674)	2.781
Dòng tiền tự do	(133)	5.479	2.620	8.151	3.412	8.586
Dòng tiền tự do hiện tại	(126)	4.636	1.983	5.518	2.066	4.651

Nguồn: VNDIRECT

Hình 17: Phân tích độ nhạy (Chi phí vốn và Tỷ lệ tăng trưởng dài hạn của BHX)

Terminal growth rate	Cost of equity						
	11,6%	12,1%	12,6%	**13,1%**	13,6%	14,1%	14,6%
1,5%	131.183	127.284	123.585	120.156	116.929	113.836	110.944
2,0%	133.470	129.301	125.401	121.837	118.408	115.248	112.222
2,5%	135.957	131.520	127.418	123.653	120.089	116.727	113.567
3,0%	138.781	134.075	129.704	**125.670**	121.904	118.408	115.113
3,5%	142.009	136.899	132.259	127.956	123.989	120.223	116.794
4,0%	145.707	140.193	135.150	130.511	126.275	122.308	118.677
4,5%	150.010	143.959	138.445	133.470	128.897	124.661	120.761

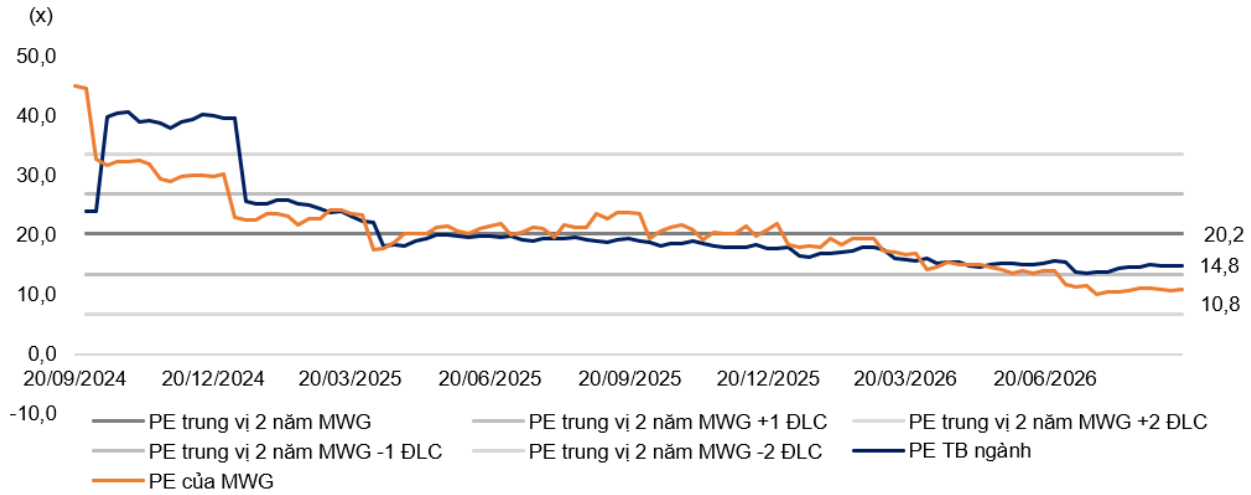
Nguồn: VNDIRECT

Hình 18: MWG với các doanh nghiệp trong ngành tại ngày 24/9/2026

Company name	Mkt Cap	Doanh thu			LNST		EPS		ROE (%)		EV/ EBITDA	P/E (x)		P/E đ/c
	Tr USD	FY25 (Tr USD)	FY25 svck	FY26F svck	FY25 (Tr USD)	FY25 svck	FY26F svck	Nợ ròng/ VCSH	TTM	FY26F	TTM	TTM	FY26F	FY 26F
CTCP Đầu tư TGDĐ	**4,319**	**5,997**	**16%**	**20%**	**271**	**106%**	**29%**	**-27%**	**25.4**	**25.0**	**9.4**	**13.9**	**12.5**	**12.5**
Bán lẻ điện tử														
Digiworld Corp	394	1,024	21%	25%	21	24%	83%	11%	24.5	22.4	9.8	12.1	11.3	11.3
FPT Digital Retail JSC	962	1,965	27%	27%	31	154%	60%	23%	29.7	25.4	13.1	22.0	19.6	19.6
Erajaya Swasembada Tbk PT	544	4,649	17%	10%	73	17%	7%	71%	15.8	13.6	4.4	6.8	7.0	10.1
Com7 PCL	2,168	2,656	10%	13%	124	26%	20%	71%	47.2	41.5	12.3	15.8	14.8	14.5
Harvey Norman Holdings Ltd	3,674	2,071	5%	36%	359	1%	-3%	46%	10.9	8.3	7.1	9.9	12.8	8.9
Bic Camera Inc	2,067	6,553	6%	5%	118	15%	13%	13%	12.9	11.9	7.9	13.4	14.6	10.7
K's Holdings Corp	2,011	5,047	3%	7%	95	27%	78%	17%	7.5	10.4	7.4	15.5	10.9	8.0
Yamada Holdings Co Ltd	4,411	11,239	4%	8%	98	-63%	147%	42%	2.5	5.8	19.7	30.4	12.6	9.2
Trung bình	**2,029**	**4,401**	**12%**	**16%**	**115**	**25%**	**51%**	**37%**	**18.9**	**17.4**	**10.2**	**15.7**	**13.0**	**11.5**
Trung vị	**2,039**	**3,653**	**8%**	**11%**	**97**	**21%**	**40%**	**33%**	**14.4**	**12.8**	**8.9**	**14.5**	**12.7**	**10.4**
Bán lẻ thực phẩm														
CP ALL PCL	11,861	30,159	330%	4%	859	13%	8%	1.2%	22.6	21.1	10.8	13.2	13.0	12.8
Sumber Alfaria Trijaya Tbk PT	3,017	7,692	720%	8%	207	8%	5%	-0.1%	20.5	19.6	5.5	15.1	14.0	20.2
Central Retail Corp PCL	5,412	6,952	70%	4%	226	2%	21%	1.2%	13.1	13.3	9.2	22.4	19.8	19.4
Trung bình	**6,763**	**14,934**	**373%**	**5%**	**430**	**7.7%**	**11.1%**	**0.8%**	**18.7**	**18.0**	**8.5**	**16.9**	**15.6**	**17.5**
Trung vị	**5,412**	**7,692**	**330%**	**4%**	**226**	**8.0%**	**7.6%**	**1.2%**	**20.5**	**19.6**	**9.2**	**15.1**	**14.0**	**19.4**

Nguồn: VNDIRECT, Bloomberg

Hình 19: MWG giao dịch ở 10,8x P/E, thấp hơn mức trung vị 2 năm 20,2x và ngành 14,8x



Nguồn: VNDIRECT, Bloomberg

Tiềm năng tăng giá và rủi ro

Tiềm năng tăng giá

- Nhu cầu đối với các mẫu ICT mới cao hơn kỳ vọng: Sự quan tâm mạnh mẽ của người tiêu dùng đối với các mẫu smartphone và laptop mới có thể thúc đẩy nhu cầu nâng cấp cao hơn dự kiến. Điều này sẽ hỗ trợ tăng trưởng doanh thu/cửa hàng và lợi nhuận của TGDĐ và ĐMX, đặc biệt trong mùa cao điểm nửa cuối năm.

Rủi ro giảm giá:

- Sức mua suy yếu do lạm phát: Giá thiết bị tăng cùng áp lực lạm phát có thể khiến người tiêu dùng trì hoãn nâng cấp điện thoại và laptop, hoặc chuyển sang phân khúc giá thấp hơn. Khi đó, tăng trưởng doanh số/cửa hàng của TGDĐ và ĐMX trong nửa cuối 2026 có thể thấp hơn giả định 20% YoY của chúng tôi.
- Giá vốn hàng ICT tăng cao hơn dự kiến: Giá chip nhớ DRAM/NAND neo cao ít nhất đến nửa cuối 2027, khi nguồn cung mới từ Samsung và SK Hynix đi vào hoạt động. Nếu ĐMX không chuyển được phần chi phí tăng thêm sang giá bán, biên lợi nhuận gộp có thể giảm sâu hơn dự báo.
- Cạnh tranh gay gắt tại miền Bắc: WinCommerce mở khoảng 557 cửa hàng tại miền Bắc trong 8T26, vượt kế hoạch cả năm của BHX tại khu vực này. Điều này có thể làm chậm tốc độ mở rộng và kéo dài thời gian hòa vốn của các cửa hàng BHX mới.

Phụ lục 1: Tổng quan doanh nghiệp

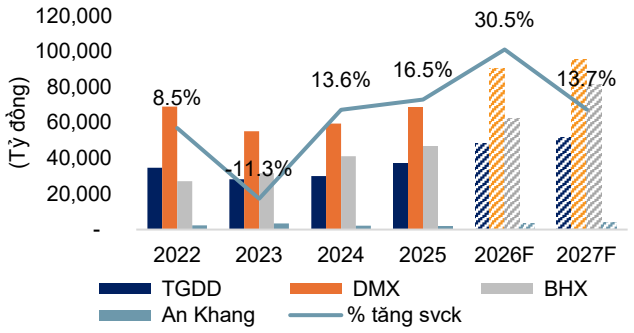
MWG được thành lập vào năm 2004, ra mắt chuỗi Thế Giới Di Động, một nền tảng bán lẻ tập trung vào các sản phẩm điện thoại và công nghệ thông tin. Sau đó, công ty mở rộng sang lĩnh vực điện máy với chuỗi Điện Máy Xanh. Hiện nay, MWG vận hành mạng lưới rộng lớn gồm hơn 1.000 cửa hàng Thế Giới Di Động và 2.000 cửa hàng Điện Máy Xanh trên toàn quốc.

Năm 2016, MWG đa dạng hóa danh mục bán lẻ sang mảng hàng tiêu dùng – tạp hóa với chuỗi Bách Hóa Xanh, hiện có hơn 3.000 cửa hàng được bố trí chiến lược tại khu vực miền Nam và miền Trung Việt Nam.

Bên cạnh các chuỗi bán lẻ nói trên, MWG còn sở hữu các đơn vị chủ chốt khác như chuỗi nhà thuốc An Khang, với 326 cửa hàng trên toàn quốc. Ngoài ra, công ty còn quản lý chuỗi cửa hàng Avakids, chuyên kinh doanh sản phẩm mẹ và bé, hiện có gần 70 cửa hàng.

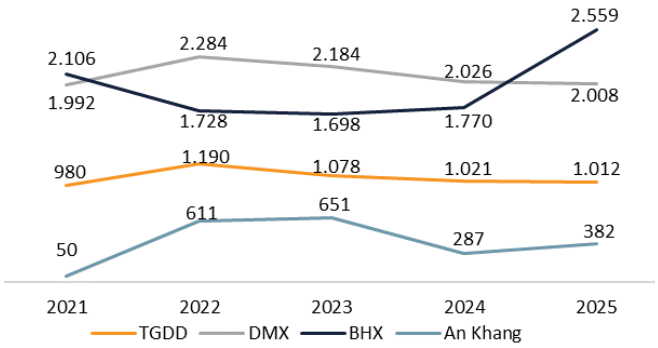
Hợp tác cùng Erajaya, MWG đã mở rộng thành công sang thị trường Indonesia, với 135 cửa hàng Erablue được thành lập tính đến cuối tháng 8 năm 2025, nằm trong chiến lược mở rộng quốc tế của công ty.

Hình 20: Diễn biến doanh thu từng ngành của MWG



Nguồn: VNDIRECT, Báo cáo công ty

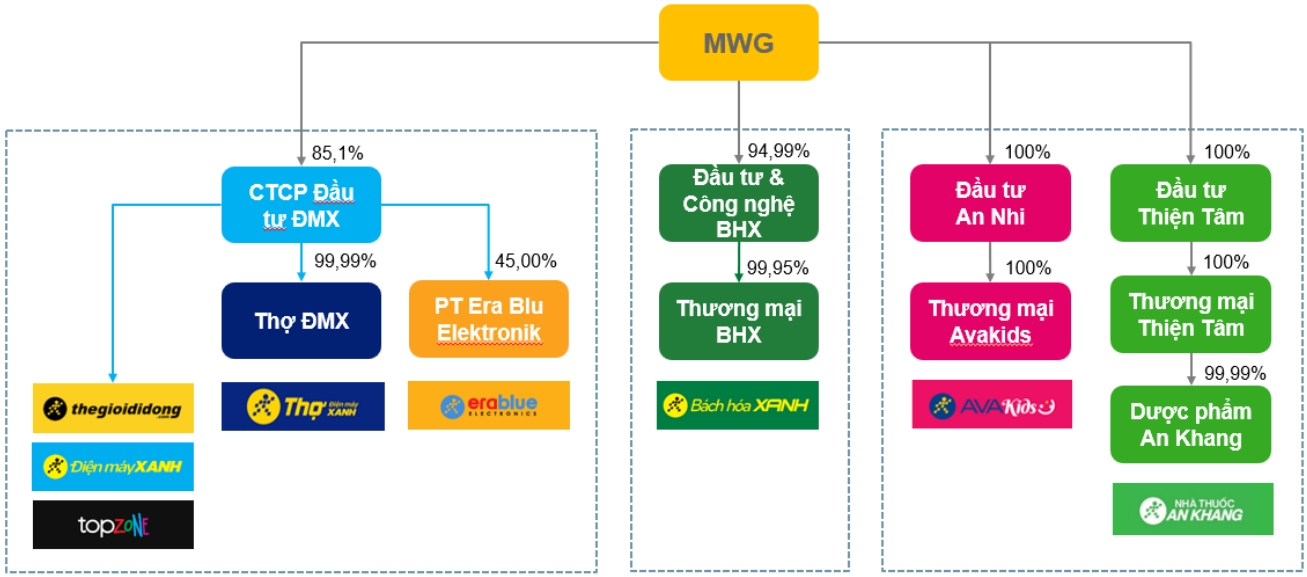
Hình 21: Số lượng cửa hàng tại các chuỗi chính của MWG



Nguồn: VNDIRECT, Báo cáo công ty

MWG bao gồm 09 công ty con được hợp nhất trong cơ cấu báo cáo tài chính với tỷ lệ sở hữu xấp xỉ 100%. Cấu trúc này của MWG nhằm mục đích tách biệt vận hành hoạt động kinh doanh và quản lý theo các mảng riêng biệt.

Hình 22: Các công ty con của MWG



Nguồn: VNDIRECT, Báo cáo công ty

Phụ lục 2: Dự phóng tài chính

Báo cáo kết quả kinh doanh

(Tỷ VND)	2023	2024	2025	2026	2027	2028
Doanh thu thuần	**118.280**	**134.341**	**156.458**	**204.233**	**232.276**	**242.976**
Thế giới di động	28.269	30.092	37.393	48.282	51.401	46.995
Điện máy xanh	55.237	59.513	68.529	90.647	95.311	100.768
Bách hóa xanh	31.581	41.108	46.937	62.089	81.523	90.094
Giá vốn hàng bán	(95.759)	(106.842)	(126.164)	(162.654)	(186.001)	(192.978)
Lợi nhuận gộp	**22.521**	**27.499**	**30.294**	**41.579**	**46.276**	**49.998**
Chi phí quản lý DN	(1.168)	(3.566)	(4.596)	(5.999)	(6.823)	(7.138)
Chi phí bán hàng	(20.917)	(19.850)	(18.619)	(23.517)	(24.831)	(26.321)
LN hoạt động	**436**	**4.084**	**7.078**	**12.063**	**14.621**	**16.539**
EBITDA thuần	**3.788**	**6.997**	**8.969**	**13.203**	**16.049**	**18.153**
Chi phí khấu hao	3.351	2.913	1.891	1.140	1.428	1.614
LN HĐ trước thuế & lãi vay	**436**	**4.084**	**7.078**	**12.063**	**14.621**	**16.539**
Thu nhập tài chính	2.167	2.377	3.107	4.056	4.613	4.826
Chi phí tài chính	(1.448)	(1.137)	(1.471)	(2.243)	(2.487)	(2.255)
Thu nhập ròng khác	(357)	(401)	(31)	(40)	(46)	(48)
Thu nhập từ các công ty LDLK	-	(45)	24	52	84	118
Lợi nhuận trước thuế	**690**	**4.826**	**8.636**	**13.888**	**16.785**	**19.180**
Chi phí thuế	(522)	(1.092)	(1.561)	(2.510)	(3.034)	(3.466)
Lợi nhuận ròng	**168**	**3.733**	**7.076**	**11.378**	**13.751**	**15.713**

Bảng cân đối kế toán

(Tỷ VND)	2023	2024	2025	2026	2027	2028
Tiền & Tương đương tiền	5.366	4.897	5.000	2.295	7.294	4.390
Đầu tư tài chính ngắn hạn	18.937	29.324	33.874	40.847	39.487	36.446
Các khoản phải thu ngắn hạn	5.159	8.826	10.153	14.305	19.708	24.271
Hàng tồn kho	21.824	22.245	27.267	34.777	31.617	37.700
Tài sản ngắn hạn khác	665	544	921	1.059	1.170	1.304
Tổng tài sản ngắn hạn	**51.950**	**65.836**	**77.215**	**93.282**	**99.276**	**104.111**
Tài sản cố định	6.431	3.523	2.540	4.992	5.486	5.325
Tổng tài sản đầu tư	747	242	3.136	2.231	4.646	7.289
Tài sản dài hạn khác	452	358	515	672	764	799
Tổng tài sản	**60.111**	**70.438**	**83.959**	**101.926**	**110.976**	**118.373**
Nợ vay ngắn hạn	19.129	27.300	29.931	39.070	37.467	31.904
Phải trả người bán ngắn hạn	7.927	9.180	13.124	17.023	18.291	19.859
Phải trả ngắn hạn khác	0	0	0	0	0	0
Tổng nợ ngắn hạn	**30.765**	**42.316**	**50.780**	**61.706**	**61.562**	**57.847**
Nợ vay dài hạn	5.985	-	-	-	-	0
Phải trả dài hạn khác	1	-	-	-	-	0
Vốn góp của chủ sở hữu	14.634	14.622	14.697	14.872	15.050	15.229
Lợi nhuận giữ lại	8.160	12.582	18.072	25.408	35.066	46.683
Vốn chủ sở hữu	**23.346**	**27.758**	**32.604**	**39.645**	**48.838**	**59.950**
Lợi ích cổ đông thiểu số	13	364	576	576	576	576
Tổng nợ và VCSH	**60.111**	**70.438**	**83.959**	**101.926**	**110.976**	**118.373**

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

(Tỷ VND)	2023	2024	2025	2026	2027	2028
Lợi nhuận trước thuế	**690**	**4.826**	**8.636**	**13.888**	**16.785**	**19.180**
Khấu hao	3.351	2.913	1.891	1.140	1.428	1.614
Thuế đã nộp	(860)	(959)	(1.546)	(3.121)	(3.074)	(3.436)
Các khoản điều chỉnh khác	(1.414)	(1.708)	(2.789)	(4.513)	(5.184)	(5.033)
Thay đổi vốn lưu động	1.835	3.224	(300)	(5.840)	4.563	(4.429)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD	**3.436**	**8.517**	**6.097**	**1.580**	**14.535**	**7.901**
Đầu tư TSCĐ	(523)	(304)	(892)	(3.616)	(1.951)	(1.483)
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	31	55	23	24	28	31
Các khoản khác	(106)	0	(115)	(354)	(147)	(80)
Thay đổi tài sản dài hạn khác	(11.346)	(13.870)	(8.188)	(9.198)	(5.918)	(3.934)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐĐT	**(10.831)**	**(11.743)**	**(6.662)**	**(9.088)**	**(3.374)**	**(641)**
Thu từ PH CP, nhận góp VCSH	0	1.772	284	175	177	180
Trả vốn góp CSH, mua CP quỹ	(10)	(9)	(816)	(826)	(835)	(845)
Tiền vay ròng nhận được	8.440	1.726	2.678	9.140	(1.603)	(5.563)
Dòng tiền từ HĐ tài chính khác	-	0	0	0	0	0
Cổ tức	(731)	(731)	(1.478)	(3.686)	(3.900)	(3.936)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐTC	**7.700**	**2.757**	**667**	**4.803**	**(6.161)**	**(10.165)**
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	5.061	5.366	4.897	5.000	2.295	7.294
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	304	(468)	103	(2.705)	4.999	(2.905)
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	**5.365**	**4.897**	**5.000**	**2.295**	**7.294**	**4.390**

Chỉ số tài chính

	2023	2024	2025	2026	2027	2028
Chỉ số định giá						
EPS (VND)	114	2.532	4.788	7.650	9.137	10.318
P/E	372,2	24,1	18,5	16,4	15,0	13,3
PEG 1 năm	(3,9)	0,0	0,6	0,5	0,5	0,4
P/S	0,5	0,7	0,6	0,5	0,4	0,4
P/B	2,7	3,2	4,0	4,7	4,2	3,5
Tỷ suất cổ tức	1,2%	0,8%	1,1%	1,6%	1,5%	1,5%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	435,6%	19,6%	21,0%	32,4%	28,4%	25,0%
Chỉ số tăng trưởng						
Tăng trưởng doanh thu	(11,3%)	13,6%	16,5%	30,5%	13,7%	4,6%
Tăng trưởng LN gộp	(26,8%)	22,1%	10,2%	37,3%	11,3%	8,0%
Tăng trưởng LN ròng	(95,9%)	2.124%	89,5%	60,8%	20,9%	14,3%
Tăng trưởng EPS	(95,9%)	2.120%	89,1%	59,8%	19,4%	12,9%
Chỉ số hiệu quả sinh lời						
Biên LN gộp	19,0%	20,5%	19,4%	20,4%	19,9%	20,6%
Biên EBITDA	3,2%	5,2%	5,7%	6,5%	6,9%	7,5%
Biên LN hoạt động	0,4%	3,0%	4,5%	5,9%	6,3%	6,8%
Biên LN ròng	0,1%	2,8%	4,5%	5,6%	5,9%	6,5%
ROAA	0,3%	5,3%	8,4%	11,2%	12,4%	13,3%
ROAE	0,7%	13,4%	21,7%	28,7%	28,2%	26,2%
Chỉ số đòn bẩy						
Khả năng trả lãi vay (EBIT/Lãi vay)	0,3	3,4	4,6	5,4	5,9	7,3
EBITDA/(Lãi vay + CAPEX)	1,9	4,9	3,8	2,3	3,6	4,9
Nợ vay/ Vốn	0,5	0,5	0,5	0,5	0,4	0,3
Nợ vay/ VCSH	1,1	1,0	0,9	1,0	0,8	0,5
Nợ vay ròng/ VCSH	0,8	0,8	0,8	0,9	0,6	0,5
Chỉ số thanh khoản						
Vòng quay tổng tài sản	2,0	2,1	2,0	2,2	2,2	2,1
Vòng quay khoản phải thu	486,2	488,6	628,2	653,9	627,9	628,7
Số ngày phải thu	0,8	0,7	0,6	0,6	0,6	0,6
Vòng quay khoản phải trả	11,5	12,5	11,3	10,8	10,5	10,1
Số ngày phải trả	31,8	29,2	32,3	33,8	34,6	36,1
Vòng quay hàng tồn kho	4,0	4,8	5,1	5,2	5,6	5,6
Số ngày tồn kho	90,6	75,3	71,6	69,6	65,1	65,6
Hệ số thanh toán hiện hành	2,7	2,4	2,6	2,4	2,6	3,3
Hệ số thanh toán nhanh	1,3	1,3	1,3	1,1	1,2	1,3

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này.

VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ CỦA VNDIRECT

Khuyến nghị cổ phiếu	Định nghĩa:
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên trong vòng 12 tháng tới.
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -10% đến 15% trong vòng 12 tháng tới
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -10% trong vòng 12 tháng tới.

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Khuyến nghị ngành	Định nghĩa:
TÍCH CỰC	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị tích cực, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
TRUNG TÍNH	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị trung bình, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
TIÊU CỰC	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị tiêu cực, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

Hoàng Việt Phương – Giám đốc Khối Phân tích và Tư vấn đầu tư
Email: phuong.hoangviet@vndirect.com.vn
Phạm Thị Bích Ngọc – Trưởng phòng Tiêu dùng và Hàng không
Email: ngoc.phambich@vndirect.com.vn

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT
Số 1 Nguyễn Thượng Hiền – Phường Hai Bà Trưng – Hà Nội
Điện thoại: +84 2439724568
Email: research@vndirect.com.vn
Website: https://vndirect.com.vn